

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 12/2019/HC-ST

Ngày: 02 - 8 - 2019

V/v Kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực bồi thường về đất bị thu hồi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồng Văn Hận
Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLST-HC ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường về đất bị thu hồi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - HC ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông H, sinh 1941; chết ngày 22/5/2019.

Địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

+ Bà C, sinh năm 1942;

+ Anh U, sinh năm 1985;

Địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Anh U, sinh năm 1985; Địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/6/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư P – Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ văn phòng: thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông B, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 29/UQ-UBND ngày 10/01/2019).

Trụ sở làm việc: huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi liên quan:* + Bà C, sinh năm 1942;
+ Anh U, sinh năm 1985;
+ Chị X, sinh năm 1983;

Địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà C và chị X: Anh U, sinh năm 1985; Địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/6/2019).

Tại phiên tòa: Anh Út, chị Xuân có mặt; người bị kiện, ông Bo, bà Chính vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19/10/2011 Ủy ban nhân dân huyện Đ (viết tắt Ủy ban huyện) ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND thu hồi 5.216m² đất tại huyện Đ của ông H để xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã T. Căn cứ Quyết định 09/QĐ – UBND ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban huyện (viết tắt Quyết định 09/QĐ – UBND) Phê duyệt phương án bồi thường, ngày 25/4/2012 Hội đồng định giá bồi thường giải phóng mặt bằng - Ủy ban nhân dân huyện Đ (viết tắt: Hội đồng bồi thường) ra Thông báo số 173/TB-HĐBT: Ông H được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 342.343.640 đồng (BL: 06, 32/TA). Trong đó: Đất ở 13.000.000 đồng (**130m²** x 100.000đ/m²); đất trồng cây lâu năm 152.580.000 đồng (**5.086m²** x 30.000đ/m²); hỗ trợ đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư 52.500.000 đồng (*trong 5.086m² có 1.050m² x 100.000đ/m² x 0,5*); bồi thường về nhà, công trình, vật kiến trúc khác 52.394.640 đồng; bồi thường về cây trồng 64.960.000 đồng; hỗ trợ di dời 7.000.000 đồng. Ngày 23/5/2014 ông H nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ (BL: 33/TA).

Căn cứ Quyết định 945/QĐ – UBND ngày 06/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban huyện (viết tắt Quyết định 945/QĐ – UBND) Phê duyệt phương án hỗ trợ (điều chỉnh bổ sung), ngày 21/11/2014 Hội đồng bồi thường ra Thông báo số 564/TB-HĐBT điều chỉnh hỗ trợ bổ sung đối với 4.036m² đất nông nghiệp số tiền 242.160.000đ (BL: 36, 37/TA). Ngày 24/11/2014 ông H nhận đủ số tiền này (BL: 38/TA).

Căn cứ Quyết định 26/QĐ – UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban huyện (viết tắt Quyết định 26/QĐ – UBND) Phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung lần 2), ngày 21/7/2016 Hội đồng bồi thường ra Thông báo số 102/TB-HĐBT bổ sung 121.080.000 đồng đối với 4.036m² đất nông nghiệp (BL: 41, 42). Ngày 25/7/2016 ông H nhận đủ số tiền này (BL: 43/TA).

Ông H cho rằng, 1.050m^2 không được hỗ trợ cùng hệ số 3 như 4.036m^2 đất nên ông có Đơn yêu cầu. Ngày 10/3/2017 Hội đồng bồi thường ra Văn bản số 09/HĐBT – GPMB (viết tắt: Văn bản 09) trả lời với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của ông. Ngày 31/5/2017 ông H khiếu nại, ngày 28/9/2017 Chủ tịch Ủy ban huyện ban hành Quyết định số 04/QĐ – UBND (viết tắt: Quyết định 04) giải quyết khiếu nại: Giữ nguyên nội dung giải quyết yêu cầu của ông H tại Văn bản 09. Không đồng ý, ông H khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 01/12/2017. Do người bị kiện không tham gia đối thoại nên ông H rút đơn khởi kiện và Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 07/6/2018. Ngày 03/01/2019 ông H nộp lại Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định 04/QĐ – UBND ngày 28/9/2017 và Văn bản số 09/HĐBT – GPMB ngày 10/3/2017; buộc Ủy ban huyện bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất bị thu hồi và thiệt hại nhà, công trình, vật kiến trúc theo quy định hiện hành (*Nghị định 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014, Quyết định 31/2014/QĐ – UBND ngày 19/12/2014 ban hành về giá đất, Quyết định 19/2017/QĐ – UBND ngày 31/8/2017 ban hành về đơn giá nhà, công trình kiến trúc*), cụ thể: Đất thổ cư $150\text{m}^2 \times 350.000\text{đ}/\text{m}^2 = 52.500.000\text{đ}$; đất vườn $5.066\text{m}^2 \times 30.000\text{đ}/\text{m}^2 = 151.980.000\text{đ}$; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp ($5.066\text{m}^2 \times 30\%$) $\times 30.000\text{đ}/\text{m}^2 = 159.579.000\text{đ}$; hỗ trợ đất sản xuất được tính theo giá đất ở liền kề có điều kiện thuận lợi giao thông ($5.066\text{m}^2 \times 70\%$) $\times 100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 345.620.000$ đồng; hỗ trợ về nhà, công trình vật kiến trúc 15.001.032 đồng.

Người bị kiện trình bày: Dự án đường ô tô đến trung tâm xã T được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ – UBND ngày 20/8/2008. Ngày 19/10/2011 Chủ tịch Ủy ban huyện ban hành Quyết định số 149/QĐ – UBND thu hồi 5.216m^2 đất của ông H. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của dự án được phê duyệt tại Quyết định 09/QĐ-UBND, hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ 342.343.640 đồng. Số tiền trên được giải ngân cho H vào ngày 23/5/2014.

Căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng bồi thường lập phương án bổ sung đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức ($5.086\text{m}^2 - 1.050\text{m}^2 = 4.036\text{m}^2$) đối với hộ ông H được phê duyệt tại Quyết định số 945/QĐ-UBND với số tiền hỗ trợ 242.160.000 đồng. Ông H nhận đủ tiền vào ngày 24/11/2014. Tuy nhiên loại đất của ông H bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm nhưng phương án phê duyệt lại tính giá đất nuôi trồng thủy sản. Do đó, Hội đồng bồi thường tiếp tục lập phương án bổ sung được phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND với số tiền 121.080.000 đồng và đã chi trả cho ông H vào ngày 25/7/2016.

Việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.086m^2 đất thu hồi của ông H được áp dụng theo quy định Điều 16, Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; khoản 3 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày

03/12/2004 và Điều 4, 14 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng chỉ thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ còn phiên đối thoại không thực hiện được do người bị kiện không tham gia phiên họp đối thoại. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hình chính. Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Văn bản số 09/HĐBT – GPMB ngày 10/3/2017 và Quyết định số 04/QĐ – UBND ngày 28/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chủ tịch Ủy ban huyện là người bị kiện được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có Đơn xin vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Ngày 10/3/2017 Hội đồng bồi thường ra Văn bản 09 trả lời yêu cầu ông H với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc hỗ trợ gấp 3 lần đối với 1.050m². Ngày 31/5/2017 ông H khiếu nại, ngày 28/9/2017 Chủ tịch Ủy ban huyện ban hành Quyết định 04 giải quyết khiếu nại: Giữ nguyên nội dung giải quyết tại Văn bản 09.

Không đồng ý, ông H khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, Toà án thụ lý vụ án vào ngày 01/12/2017. Ngày 07/6/2018 Toà án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do ông H rút đơn khởi kiện. Ngày 03/01/2019 ông H tiếp tục nộp lại Đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định 04 và Văn bản 09.

Như vậy, ông H nộp đơn khởi kiện Quyết định 04 và Văn bản 09 trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 – Luật Tố tụng hành chính. Quyết định 04 và Văn bản 09 là quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường bồi thường về đất bị thu hồi của Ủy ban nhân dân huyện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 – Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và đưa ra giải

quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 – Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Ngày 19/10/2011 Chủ tịch Ủy ban huyện ban hành Quyết định số 149/QĐ – UBND thu hồi 5.216m² đất của ông H để thực hiện dự án đường ô tô đến trung tâm xã T. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được duyệt tại Quyết định 09/QĐ-UBND thì ông H được bồi thường, hỗ trợ 342.343.640 đồng. Trong đó: Bồi thường về đất ở 13.000.000 đồng (130m²), đất nông nghiệp và đất vườn ao 152.580.000 đồng (5.086m²), hỗ trợ về đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở 52.500.000 đồng (1.050m²). Ngày 07/12/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau như sau: “ Đối với những dự án, hạng mục được lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ nhưng chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, ngoài việc được hỗ trợ theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh còn được hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức tính hỗ trợ (nếu có); mức hỗ trợ bằng tiền, bằng 2 (hai) lần giá đất nông nghiệp đối với đất nông nghiệp bị thu hồi nằm trong địa giới hành chính của thành phố Cà Mau và 3 (ba) lần giá đất nông nghiệp đối với đất nông nghiệp bị thu hồi nằm trong địa giới hành chính của các huyện; tổng diện tích đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở được hỗ trợ theo Điều 14 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND và hỗ trợ này không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Đối với những dự án, hạng mục được thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 18 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh mà đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hoặc đã thực hiện chi trả hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được điều chỉnh theo Quyết định này. ”

Ngày 06/11/2014 Chủ tịch Ủy ban huyện ra Quyết định 945/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ đối với 4.036m² đất nông nghiệp với số tiền 242.160.000 đồng. Tiếp đến ngày 21/01/2016 Chủ tịch Ủy ban huyện ra Quyết định 26/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ đối với 4.036m² đất nông nghiệp với số tiền 121.080.000 đồng. Như vậy, đối với 4.036m² đất nông nghiệp bị thu hồi, ông H đã được bồi thường 30.000 đồng/m² và được hỗ trợ gấp 3 lần giá đất nông nghiệp được bồi thường (90.000 đồng/m²). Tổng số tiền ông H được hỗ trợ đối với đất nông nghiệp bị thu hồi là 363.240.000 đồng, ông H đã nhận đủ. Số tiền hỗ trợ ông H đã nhận nhiều hơn số tiền ông Hiệp khởi kiện yêu cầu hỗ trợ (số tiền ông H yêu cầu: 345.620.000đ).

[3] Đối với 1.050m² đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư: Ông H khiếu nại, yêu cầu phải hỗ trợ gấp 03 lần như đất nông nghiệp. Thấy rằng: 1.050m² đất này là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở khu dân cư nông thôn thuộc khoản 2 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của Ủy ban tỉnh. Tại khoản 2 quy định: *Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định của bảng giá đất các loại đất do Ủy ban tỉnh ban hành.* Tại Quyết định 09/QĐ – UBND của Ủy ban huyện phê duyệt phương án bồi thường đã hỗ trợ 1.050m² với số tiền 52.500.000 đồng là thực hiện hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi. Do đó, người khởi kiện yêu cầu phải tính hỗ trợ gấp 03 lần như tính theo hỗ trợ như đất nông nghiệp là không có căn cứ pháp luật.

[4] Đối với đất thổ cư: Đơn khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu phải bồi thường với diện tích đất ở là 150m² và giá bồi thường 350.000 đồng/m². Thấy rằng, năm 2011, Ủy ban huyện ra Quyết định thu hồi 5.216m² đất, năm 2012 Hội đồng bồi thường ra Thông báo số 173/TB-HĐBT trong đó ghi rõ diện tích đất ở bị thu hồi là 130m² và giá bồi thường 100.000 đồng/m². Ông H nhận Thông báo và đã nhận đủ tiền bồi thường vào ngày 23/5/2014 nhưng ông H không khiếu nại gì về diện tích đất ở bị thu hồi cũng như áp giá bồi thường.

Tại khoản 2 Điều 74 – Luật Đất đai 2013 quy định: Giá đất bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi. Tại Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về phê duyệt giá đất ở trung bình khu vực thu hồi đất thuộc dự án xây dựng tuyến đường ô tô về Trung tâm xã Tân Thuận là 100.000 đồng/m². Tại Quyết định số 31/2010/QĐ – UBND ngày 17/12/2010 và Quyết định số 20/2011/QĐ – UBND ngày 16/12/2011 và Quyết định 31/2014/QĐ – UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định giá đất ở thuộc loại đất ở thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ đều có giá 100.000đ/m². Do đó, yêu cầu này của người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về chuyển đổi nghề nghiệp, thấy rằng: Ông H có tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 41.920m², Nhà nước thu hồi của ông H 5.216m² còn lại 36.660m². Với diện tích đất còn lại đã vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 129 – Luật Đất đai 2013 quy định. Do đó, ông H không thuộc trường hợp không còn đất sản xuất phải chuyển đổi nghề nghiệp, nên ông H yêu cầu phải được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu hỗ trợ về nhà, công trình, vật kiến trúc, thấy rằng: Những khoản bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc khác đã được Hội đồng bồi thường lập phương án bồi thường với số tiền 52.394.640 đồng. Ông H đã nhận đủ tiền bồi thường và cũng không khiếu nại gì về giá bồi thường của các khoản này. Nay ông khởi kiện yêu cầu được hỗ trợ, thấy rằng: Theo quy định của Luật Đất đai thì không có hỗ trợ về các khoản yêu cầu này. Trường hợp thu hồi đất ở thì hỗ trợ tái định cư chứ không quy định các trường hợp hỗ trợ như yêu cầu của

ông H. Đồng thời việc bồi thường nhà ở, vật kiến trúc Hội đồng bồi thường đã căn cứ và thực hiện đúng Quyết định của Ủy ban tỉnh quy định trước ngày 25/7/2016 (ngày ông H nhận xong tiền bồi thường). Do đó, yêu cầu này của ông H không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho ông H trong việc thu hồi 5.216m² đất là đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, khởi kiện của ông H yêu cầu hủy Văn bản số 09/HĐBT – GPMB ngày 10/3/2017 và Quyết định số 04/QĐ – UBND ngày 28/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[6]Án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí sơ thẩm hành chính; nhưng người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí. Người khởi kiện đã được miễn dự nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 – Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 74, Điều 129 – Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29/01/2010; Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Quyết định số 31/2010/QĐ – UBND ngày 17/12/2010 và Quyết định số 20/2011/QĐ – UBND ngày 16/12/2011 và Quyết định 31/2014/QĐ – UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 32 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: - Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Hủy Văn bản số 09/HĐBT – GPMB ngày 10/3/2017 và Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện được miễn án phí sơ thẩm hành chính.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị kiện có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND tỉnh Cà Mau (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miến